

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho anh Bùi Văn N nhưng anh không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị S yêu cầu ly hôn với anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị S và anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai chị S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị S và anh N tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có chứng cứ chứng minh anh chị có đăng ký kết hôn. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị S thấy rằng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2022) cháu K đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động để nuôi sống mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị S đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị S, anh Bùi Văn N.

Áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị S và anh Bùi Văn N là vợ chồng.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị S phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 13/5/2022 chị S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014942 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị S, anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn